TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày 27-7-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Bà Nguyễn Thị Kim Cơ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**:* Bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, thị xã T3, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp D1, xã T2, thị xã T3, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp D1, xã T2, thị xã T3, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-11-2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và anh Th, chị D là hàng xóm, không có quan hệ họ hàng gì. Từ năm 2020 đến năm 2022 chị D có vay của bà nhiều lần tổng cộng là 247.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, các lần vay đều ghi biên nhận, chị D đều có ký và ghi họ tên, sau khi vay chị D có trả tiền lãi cho bà đến ngày 21-9-2021 nhưng trả bao nhiêu thì bà không nhớ, từ sau ngày 21-9-2021 chị D không trả cho bà bất cứ khoản tiền nào, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 16-7-2020 (âm lịch) vay 30.000.000 đồng;

- Ngày 18-7-2020 (âm lịch) vay 40.000.000 đồng;

- Ngày 17-8-2020 (âm lịch) vay 30.000.000 đồng;

- Ngày 20-10-2020 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng;

- Ngày 21-9-2021 (âm lịch) vay 94.000.000 đồng;

- Ngày 13-02-2022 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng;

- Ngày 28-02-2022 (âm lịch) vay 10.000.000 đồng;

- Ngày 20-4-2022 (âm lịch) vay 3.000.000 đồng.

Khi vay bà có nghe chị D nói vay để làm vốn làm ăn và xoay xở trong gia đình. Các lần cho vay bà đều giao tiền cho chị D tại nhà của bà, các lần giao tiền chỉ có bà và chị D, không ai chứng kiến. Thời điểm cho vay anh Th không biết, đến sau tháng 9-2021 chị D không trả tiền lãi nên bà có nói với anh Th thì anh Th nói để bán đất trả lại nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Mặc dù anh Th không có ký tên vào biên nhận nợ nhưng chị D và anh Th là vợ chồng, chị D vay tiền của bà là để xoay xở trong gia đình và mở tiệm may. Do đó, bà yêu cầu chị D, anh Th trả cho bà số tiền vay 247.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày bà nộp đơn khởi kiện ngày 14-11-2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị Trần Thị Ngọc D trình bày:

Chị và bà T là hàng xóm, không có quan hệ họ hàng gì. Chị thừa nhận trước đây, chị có vay tiền của bà T nhiều lần, tổng cộng là 153.000.000 đồng, các lần vay đều ghi biên nhận, khi vay thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 16-7-2020 (âm lịch) vay của bà T 30.000.000 đồng;

- Ngày 18-7-2020 (âm lịch) vay của bà T 40.000.000 đồng;

- Ngày 17-8-2020 (âm lịch) vay của bà T 30.000.000 đồng;

- Ngày 20-10-2020 (âm lịch) vay của bà T 20.000.000 đồng;

- Ngày 13-02-2022 (âm lịch) vay của bà T 20.000.000 đồng;

- Ngày 28-02-2022 (âm lịch) vay của bà T 10.000.000 đồng;

- Ngày 20-4-2022 (âm lịch) vay của bà T 3.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay 94.000.000 đồng theo biên nhận tiền ngày 21-9-2021 không phải tiền vay mà là tiền lãi của số tiền 120.000.000 đồng, trong thời gian 12 tháng mà chị nợ bà T, do thời điểm bể nợ khoảng năm 2020, chị không có tiền đóng tiền lãi cho bà T nên bà T kêu chị ký giấy nhận nợ này với số tiền 94.000.000 đồng, khi nào chị trả thì bà T sẽ trừ khoản tiền lãi này ra cho chị nên chị ký tên và ghi họ tên vào biên nhận này. Việc thỏa thuận giữa chị và bà T, không ai chứng kiến và không có chứng cứ gì chứng minh.

Khi vay chị có trả tiền lãi cho bà T nhiều lần, khi trả không ghi biên nhận nên không nhớ đã trả bao nhiêu và chưa trả cho bà T khoản tiền gốc nào. Số tiền

120.000.000 đồng của các lần vay ngày 16-7-2020 (âm lịch), 18-7-2020 (âm lịch), 17-8-2020 (âm lịch), 20-10-2020 (âm lịch), chị vay để cho những người làm chung xí nghiệp vay lại nhưng nay họ đã nghỉ làm và không trả tiền lại cho chị. Số tiền vay 33.000.000 đồng của các lần vay ngày 13-02-2022 (âm lịch), 28-02-2022 (âm lịch), 20-4-2022 (âm lịch), vay để làm vốn mở tiệm may.

Các lần vay anh Th đều không biết, khoản nợ này là nợ riêng của chị. Do đó, chị đồng ý trả cho bà T số tiền vay là 247.000.000 đồng, do hiện tại hoàn cảnh kinh tế của chị rất khó khăn nên xin được không tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Bùi Văn Th nhưng anh Th không đồng ý cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn Th có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền vay là 247.000.000 đồng và chịu tiền lãi theo quy định.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 247.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp dân sự về "hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp D1, xã T2, thị xã T3, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều

35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Theo Đơn khởi kiện bà T yêu cầu chị D, anh Th trả số tiền vay là 247.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 20-4-2022 cho đến khi xét xử tạm tính 11 tháng là 23.094.500 đồng, tổng cộng là 270.094.500 đồng. Nay bà T yêu cầu chị D, anh Th trả số tiền vay là 247.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất kể từ 14-11-2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay thấy rằng:

[4.1] Bà T khai từ năm 2020 đến năm 2022 chị D có vay tiền của bà nhiều lần với tổng số tiền 247.000.000 đồng theo các biên nhận ngày 16-7-2020, 18-7-2020, 17-8-2020, 20-10-2020, 21-9-2021, 13-2-2022, 28-02-2022, 20-4-2022, tính theo ngày âm lịch, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, chị D có trả tiền lãi đến ngày 21-9-2021 nhưng trả bao nhiêu thì bà không nhớ, không thỏa thuận thời hạn trả, mục đích vay là làm vốn làm ăn và xoay xở trong gia đình. Do chị D không đóng tiền lãi cho bà nên bà có liên hệ anh Th, chị D đòi nhiều lần, anh Th có hứa sẽ bán đất trả nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà khoản tiền nào.

[4.2] Chị D thừa nhận chỉ vay của bà T số tiền 153.000.000 đồng theo các biên nhận ngày 16-7-2020, 18-7-2020, 17-8-2020, 20-10-2020, 13-2-2022, 28-02-2022, 20-4-2022, tính theo ngày âm lịch, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, mục đích vay là để cho người khác vay lại lấy tiền lãi và mở tiệm may, chị đã trả tiền lãi cho bà T nhiều lần nhưng không nhớ đã trả bao nhiêu. Số tiền vay 94.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21-9-2021 (âm lịch) là tiền lãi của số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng của các lần vay ngày 16-7-2020, 18-7-2020, 17-8-2020, 20-10-2020 trong thời gian 12 tháng.

[4.3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị D thừa nhận còn nợ bà T số tiền 247.000.000 đồng như bà T trình bày nhưng nợ gốc là 153.000.000 đồng, số tiền vay 94.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21-9-2021 (âm lịch) là tiền lãi của số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng của các lần vay ngày 16-7-2020, 18-7-2020, 17-8-2020, 20-10-2020 trong thời gian 12 tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và bà T cũng không thừa nhận. Mặt khác, nếu tính mức lãi suất 6%/tháng x 120.000.000 đồng x 12 tháng = 86.400.000 đồng, không phải là 94.000.000 đồng như chị D trình bày. Do đó, không có cơ sở xác định khoản tiền 94.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền vay 120.000.000 đồng nêu trên.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Chị D cho rằng khi vay thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, bà T khai lãi suất 3%/tháng, cả bà T và chị D không nhớ đã đóng bao nhiêu tiền lãi. Tuy nhiên, theo các biên nhận ngày 16-7-2020, 18-7-2020, 17-8-2020, 20-10-2020, 21-9-2021, 13-2-2022, 28-02-2022, 20-4-2022, bà T và chị D không thỏa thuận lãi suất cho vay, không thỏa thuận lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự thì chị D, anh Th phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất 10%/năm.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu tính tiền lãi theo quy định kể từ ngày 14-11-2022 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tiền lãi được tính từ ngày 14-11-2022 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 27-7-2023 là 08 tháng 13 ngày và được tính như sau:

247.000.000 đồng x 10%/năm x 08 tháng 13 ngày = 17.358.610 đồng (làm tròn số là 17.359.000 đồng).

[6] Chị D cho rằng các lần vay anh Th đều không biết, số tiền vay để cho người khác vay lại lấy tiền lãi và làm vốn mở tiệm may nên khoản nợ này là nợ riêng của chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Th nhưng anh Th không đồng ý cung cấp lời khai cho Tòa án.

Xét thấy, chị D và anh Th là vợ chồng, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do chị D quản lý, mục đích cho người khác vay lại và mở tiệm may là nhằm phục vụ nhu cầu chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Do đó, anh Th phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị D trả cho bà T số tiền số tiền vay 247.000.000 đồng và 17.359.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 264.359.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị D, anh Th có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 264.359.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên chị D, anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

264.359.000 đồng x 5% = 13.217.950 đồng (làm tròn số thành 13.218.000 đồng).

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn Th có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 264.359.000 (Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn Th phải chịu 13.218.000 (mười ba triệu hai trăm mười tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền 6.752.000 (sáu triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027039 ngày 13-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phương Yến

CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phương Yến